

B NG ấ I M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36C2 N h c : 2013-2014 ấ VHT : 5
(75,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 131014200402 - C L t N n - M¹ ng H c km : HK01

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấ I M THì NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ấ I M THI	QUY TS 50%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
1	3641010207	36C2	Nguy n ấ nh Anh	21/09/1993	7.0	8.0	6.0								7.0	3.5	5.0	2.5	6.0	
2	3641010287	36C2	Ph m Tu n Anh	08/02/1993	9.0	8.0	9.0								8.7	4.4	5.0	2.5	6.8	
3	3641010172	36C2	V ^{1/2} V ấ C u	02/11/1993	6.0	7.0	7.0								6.7	3.4	8.0	4.0	7.3	
4	3641010194	36C2	L ² Tr n Minh Chí	09/07/1994	6.0	7.0	7.0								6.7	3.4	6.0	3.0	6.3	
5	3641010178	36C2	L ² Minh Tr ng Duy	14/10/1993	7.0	5.0	7.0								6.3	3.2	3.0	1.5	4.7	
6	3641010160	36C2	Phan T n D ng	16/10/1994	5.0	5.0	8.0								6.0	3.0	6.0	3.0	6.0	
7	3641010266	36C2	Nguy n Ho ấ H i	30/09/1994	7.0	7.0	7.0								7.0	3.5	6.0	3.0	6.5	
8	3641010166	36C2	Nguy n V ấ Hi u	02/04/1994	6.0	7.0	8.0								7.0	3.5	6.0	3.0	6.5	
9	3641010220	36C2	H Phi Huy	01/01/1992	7.0	6.0	8.0								7.0	3.5	1.0	0.5	4.0	
10	3641010150	37C1	Tr n ấ nh Huy	19/09/1993	6.0	7.0	7.0								6.7	3.4	0.0	0.0	3.3	
11	3641010282	36C2	L ² Tr ng H u	30/03/1991	9.0	9.0	8.0								8.7	4.4	7.0	3.5	7.8	
12	3641010265	36C2	Nguy n Ng c Kh ng	26/02/1993	6.0	7.0	7.0								6.7	3.4	0.0	0.0	3.3	
13	3641010195	36C2	Hu nh Minh Luân	03/07/1993	7.0	7.0	8.0								7.3	3.7	7.0	3.5	7.2	
14	3641010233	36C2	Châu Minh M n	18/05/1994	6.0	6.0	5.0								5.7	2.9	0.0	0.0	2.8	
15	3641010159	36C2	Hu nh C ấ Minh	13/04/1994	8.0	7.0	7.0								7.3	3.7	0.0	0.0	3.7	
16	3641010296	36C2	Tr ng C ấ Minh	04/05/1993	8.0	8.0	7.0								7.7	3.9	3.0	1.5	5.3	
17	3641010197	36C2	Nguy n Ti n Ngh ấ	14/10/1993	8.0	8.0	9.0								8.3	4.2	7.0	3.5	7.7	
18	3641010309	36C2	ấ Nhàn	20/12/1994	5.0	7.0	8.0								6.7	3.4	0.0	0.0	3.3	
19	3641010187	36C2	Cao Xuân Phi	13/06/1994	7.0	7.0	8.0								7.3	3.7	5.0	2.5	6.2	
20	3641010304	36C2	L ² Vi t Quang	01/09/1994	4.0	7.0	8.0								6.3	3.2	5.0	2.5	5.7	

BẢNG ĐIỂM HỌC PHÂN - MÔN THI NH PH N

Khí hậu : L p h c : 36C2 Năm học : 2013-2014 Năm VHT : 5
(75,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 131014200402 - C ế t N n - M ã ng H c km : HK01

STT	Mí S	L P SV	H ị Vĩ T c N	NGÀY SINH	Đ I M THI NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	Đ I M THI TS 50%	QUY TS 50%	Đ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
21	3641010258	36C2	Nguyễn Huỳnh Quĩ Tài	08/08/1993	7.0	7.0	6.0								6.7	3.4	0.0	0.0	3.3	
22	3641010237	36C2	Ph m Ho@ Ti n	02/03/1991	5.0	6.0	7.0								6.0	3.0	8.0	4.0	7.0	
23	3641010151	36C2	Tr n VÑ Ti n	17/08/1994	7.0	8.0	8.0								7.7	3.9	9.0	4.5	8.3	
24	3641010232	36C2	Lê Thành To n	17/05/1991	6.0	8.0	8.0								7.3	3.7	3.0	1.5	5.2	
25	3641010161	36C2	Nguyễn Xuân Túc	08/02/1994	7.0	7.0	7.0								7.0	3.5	3.0	1.5	5.0	
26	3641010190	36C2	TÑg Thanh T	10/02/1993	9.0	7.0	8.0								8.0	4.0	4.0	2.0	6.0	
27	3641010250	36C2	Lĩ Ng c Thi n	02/01/1993	7.0	7.0	8.0								7.3	3.7	3.0	1.5	5.2	
28	3641010238	36C2	Nguyễn Th Tri u	15/04/1993	8.0	7.0	7.0								7.3	3.7	5.0	2.5	6.2	
29	3641010196	36C2	VÑ Minh Trí	26/09/1993	4.0	7.0	7.0								6.0	3.0	4.0	2.0	5.0	
30	3641010163	36C2	Cao Hoàng Tr ng	01/05/1993	7.0	7.0	8.0								7.3	3.7	4.0	2.0	5.7	
31	3641010185	36C2	Lê Chí V	12/06/1993	8.0	7.0	8.0								7.7	3.9	0.0	0.0	3.8	
32	3641010276	36C2	Ngô Hoàn V	20/07/1994	8.0	8.0	7.0								7.7	3.9	4.0	2.0	5.8	
33	3641010183	36C2	T ng T ng V ng	11/12/1994	7.0	8.0	7.0								7.3	3.7	0.0	0.0	3.7	

T ng s : 33 h c sinh sinh vĩ n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ãng Khoa

Gi"o Vĩ n B M»n

Gi"o V Khoa